

Số: 1388/QĐ-TCT

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**ÁP DỤNG QUẢN LÝ RỦI RO TRONG PHÂN LOẠI HỒ SƠ HOÀN THUẾ
GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ LỰA CHỌN NGƯỜI NỘP THUẾ
ĐỂ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KIỂM TRA, THANH TRA SAU HOÀN THUẾ**

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Quyết định số 41/2018/QĐ-TTg ngày 25/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 15/2021/QĐ-TTg ngày 30/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 điều 3 Quyết định số 41/2018/QĐ-TTg ngày 25/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 31/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban quản lý rủi ro.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định hướng dẫn áp dụng quản lý rủi ro trong phân loại hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng và lựa chọn người nộp thuế để xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Thủ trưởng các Cục, Vụ, đơn vị liên quan thuộc Tổng cục Thuế; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận, huyện, thị xã, thành phố và Chi cục Thuế khu vực trực thuộc Cục Thuế tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- KK, TTKT, DNL (TCT);
- CNTT, PC, KTNB, DNNCN (TCT);
- Lưu: VT, QLRR(3b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Đặng Ngọc Minh



HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG QUẢN LÝ RỦI RO

PHÂN LOẠI HỒ SƠ HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ LỰA CHỌN NGƯỜI NỘP THUẾ ĐỂ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KIỂM TRA, THANH TRA SAU HOÀN THUẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1388/QĐ-TCT ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tổng cục Trưởng Tổng cục Thuế)

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

- Là cơ sở giúp cơ quan thuế đánh giá, xếp hạng rủi ro đối với người nộp thuế có hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng.
- Kết quả đánh giá, xếp hạng rủi ro đối với người nộp thuế tại điểm 1 là căn cứ để:
 - Quyết định kiểm tra trước hoàn thuế sau đối với hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng của người nộp thuế được xếp hạng rủi ro cao.
 - Xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế đối với hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau theo mức độ xếp hạng rủi ro của người nộp thuế.
- Chuẩn hóa nội dung và các bước công việc, tạo sự thống nhất trong công tác lựa chọn người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro để phân loại hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng và xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế.
- Góp phần đẩy mạnh cải cách, hiện đại hóa công tác lựa chọn người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro, kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật thuế và nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Việc áp dụng quản lý rủi ro trong công tác hoàn thuế giá trị gia tăng theo Quyết định này để phân tích, đánh giá, xếp hạng người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức có hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng.

Quản lý rủi ro trong công tác hoàn thuế giá trị gia tăng thực hiện theo Quyết định này áp dụng đối với hồ sơ hoàn thuế dự án đầu tư và hoàn thuế đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu.

Tổng cục Thuế, Cục Thuế, Chi cục Thuế (bao gồm cả Chi cục Thuế khu vực) áp dụng quản lý rủi ro trong công tác hoàn thuế giá trị gia tăng theo Quyết định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

- Chỉ số tiêu chí: là các chỉ tiêu thông tin mang giá trị, nội dung cụ thể của tiêu chí giúp cho việc nhận biết, phân loại mức độ rủi ro. Chỉ số tiêu chí được thể hiện cụ thể bằng con số, tỷ lệ, tỷ suất, tỷ số... được tính toán thông qua việc thu thập, phân tích số liệu.

- Thang điểm rủi ro: là khung điểm số được xây dựng và áp dụng đối với các chỉ số tiêu chí.

- Điểm số rủi ro: là số điểm cụ thể được gán với từng chỉ số tiêu chí theo mức độ rủi ro của chỉ số tiêu chí đó và trên cơ sở thang điểm rủi ro.

- Trọng số: là hệ số theo chỉ số tiêu chí, được sử dụng để đánh giá mức độ trọng yếu của tiêu chí đối với kết quả đánh giá xếp hạng rủi ro của người nộp thuế.

- Hạng rủi ro: là kết quả xác định mức độ rủi ro sau cùng của người nộp thuế trên cơ sở tổng điểm rủi ro, người nộp thuế được xếp theo ba hạng rủi ro là: rủi ro cao, rủi ro trung bình, rủi ro thấp.

- Ngưỡng rủi ro: là khoảng điểm cụ thể được ban hành dựa trên tổng số điểm rủi ro của người nộp thuế hoặc tỷ lệ % người nộp thuế theo danh sách được xếp hạng tính từ người nộp thuế có điểm rủi ro cao nhất đến người nộp thuế có điểm rủi ro thấp nhất. Ngưỡng rủi ro sử dụng để phân loại rủi ro đối với tất cả người nộp thuế được đánh giá.

- Ứng dụng Quản lý rủi ro: là ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện việc kết nối, tiếp nhận thông tin từ các nguồn dữ liệu liên quan trong và ngoài cơ quan thuế, điện tử hóa các biện pháp, kỹ thuật quản lý rủi ro dựa trên Bộ tiêu chí, chỉ số tiêu chí được ban hành để phân tích, đánh giá tuân thủ, xác định mức độ rủi ro phục vụ cho việc quyết định áp dụng các biện pháp nghiệp vụ của cơ quan thuế.

- Ứng dụng TMS: Ứng dụng quản lý thuế tập trung, là hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý thuế của ngành thuế.

- Cơ quan thuế: gồm Tổng cục Thuế, Cục Thuế, Chi cục Thuế.

- Bộ phận quản lý rủi ro: Ban Quản lý rủi ro trực thuộc Tổng cục Thuế. Đối với Cục Thuế, Chi cục Thuế chưa có đơn vị chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản lý rủi ro phải chỉ định một (01) bộ phận được giao nhiệm vụ thực hiện công tác quản lý rủi ro làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ phân tích, đánh giá, xếp loại mức độ rủi ro người nộp thuế.

- Bộ phận Kế khai và Kế toán thuế: Phòng Kế khai và Kế toán thuế thuộc Cục Thuế; Phòng Kế khai và Kế toán thuế và cơ sở dữ liệu doanh nghiệp lớn thuộc Cục Thuế doanh nghiệp lớn; Phòng/Đội Kế khai - Kế toán thuế - Tin học hoặc Đội Kế khai - Kế toán thuế - Tin học - Dự toán - Pháp chế hoặc Đội Nghiệp vụ Quản lý thuế tại Chi cục Thuế thực hiện chức năng kế khai và kế toán thuế.

- Bộ phận Thanh tra - Kiểm tra: Cục Thanh tra - Kiểm tra thuế, Phòng Thanh tra - Kiểm tra thuộc Cục Thuế hoặc Phòng Quản lý thuế được phân công thuộc Cục Thuế doanh nghiệp lớn, Đội Kiểm tra thuế hoặc Phòng Thanh tra - kiểm tra thuế và Phòng Kiểm tra thuế tại Chi cục Thuế thực hiện công tác thanh tra kiểm tra thuế.

- Bộ phận Công nghệ thông tin: Cục Công nghệ thông tin thuộc Tổng cục Thuế; Phòng Công nghệ thông tin thuộc Cục Thuế; Phòng/Đội Kế khai - Kế toán thuế - Tin học hoặc Đội Kế khai - Kế toán thuế - Tin học - Dự toán - Pháp chế hoặc Đội Nghiệp vụ quản lý thuế tại Chi cục Thuế.

Điều 4. Các cụm từ viết tắt

- Người nộp thuế viết tắt là NNT.

- Ứng dụng Quản lý rủi ro viết tắt là ứng dụng QLRR.
- Chỉ số tiêu chí viết tắt là CSTC.
- Giá trị gia tăng viết tắt là GTGT.

Điều 5. Nguyên tắc áp dụng

1. Việc đánh giá xếp hạng rủi ro đối với NNT để phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT; xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật, Bộ CSTC và hướng dẫn thực hiện ban hành theo Quyết định này.

2. Thông tin sử dụng để phân tích, đánh giá xác định NNT có dấu hiệu rủi ro bao gồm: thông tin về NNT trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành thuế; thông tin về NNT thu thập được trong quá trình quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra NNT; thông tin về NNT do các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan cung cấp. Các thông tin này được cập nhật thường xuyên, đầy đủ vào hệ thống cơ sở dữ liệu về NNT và ứng dụng QLRR để đảm bảo việc phân tích, đánh giá, nhận diện NNT có dấu hiệu rủi ro chính xác, kịp thời.

3. Việc đánh giá, xếp hạng rủi ro đối với NNT được thực hiện hoàn toàn tự động, tập trung bằng ứng dụng QLRR để phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT; lập kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế.

4. Việc phân loại hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế sau được thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau:

(1) Hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT được rà soát, đối chiếu với quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản quy phạm pháp luật quy định, hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế để xác định các trường hợp thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế sau.

(2) Hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT có dấu hiệu rủi ro thuộc một trong những CSTC Nhóm I tại Phụ lục I ban hành theo Quyết định này được xác định là trường hợp thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế sau.

(3) Hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT được phân tích, xếp hạng rủi ro cao theo Bộ CSTC do Tổng cục Thuế quy định thuộc CSTC Nhóm II, Nhóm III tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

(4) Hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT được phân tích, xếp hạng rủi ro cao theo Bộ CSTC do Cục Thuế lựa chọn.

5. Các hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT còn lại thuộc diện hoàn thuế trước được chuyển sang ứng dụng QLRR phân hệ lập kế hoạch thanh tra kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế để tiến hành theo dõi lập kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế.

6. Trường hợp đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, quy định tại Thông tư số 31/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính và các quy định, hướng dẫn về quản lý rủi ro, công chức thuế được miễn trừ trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nội dung Bộ CSTC

Bộ CSTC phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT và lựa chọn NNT có dấu hiệu rủi ro để xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế bao gồm 03 nhóm, cụ thể:

- Nhóm I: Nhóm CSTC phân loại hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế sau

Là nhóm các CSTC mà nếu NNT có dấu hiệu rủi ro thuộc một (01) trong các CSTC này thì hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT sẽ được thực hiện phân loại thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế sau.

- Nhóm II: Nhóm CSTC phân loại hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT theo phương pháp chấm điểm rủi ro

Là nhóm các CSTC áp dụng phương pháp tính điểm, xếp hạng rủi ro. Trên cơ sở đó thực hiện phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT và lựa chọn NNT có dấu hiệu rủi ro để xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế.

- Nhóm III: Nhóm CSTC theo yêu cầu quản lý của cơ quan thuế

Là nhóm các CSTC áp dụng phương pháp chấm điểm rủi ro mà cơ quan thuế có thể lựa chọn bổ sung vào Bộ CSTC đánh giá rủi ro, phân loại hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT.

Tổng cục Thuế sử dụng các CSTC Nhóm II và có thể lựa chọn thêm các CSTC Nhóm III (nếu cần) để thực hiện phân tích, đánh giá rủi ro, phân loại hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT và lựa chọn NNT có dấu hiệu rủi ro phù hợp với từng thời kỳ để xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra sau hoàn thuế. Bộ CSTC do Tổng cục Thuế sử dụng được áp dụng toàn quốc.

Cục Thuế có thể xây dựng thêm Bộ CSTC trên cơ sở lựa chọn các CSTC Nhóm II và Nhóm III ban hành theo Quyết định này để thực hiện phân tích, đánh giá rủi ro, phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT cho phù hợp với đặc điểm NNT và phù hợp với công tác quản lý từng địa phương. Trường hợp Cục Thuế lựa chọn, xây dựng thêm Bộ CSTC, Cục Thuế có văn bản báo cáo gửi về Tổng cục Thuế (qua Ban Quản lý rủi ro) để xem xét quyết định thực hiện.

Điều 7. Phương pháp xác định NNT có dấu hiệu rủi ro trong phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT

1. Đối với CSTC Nhóm I

Phương pháp phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT là phương pháp lựa chọn NNT có dấu hiệu rủi ro thuộc một (01) trong các CSTC Nhóm I sẽ phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế sau.

Các trường hợp còn lại NNT sẽ được đưa vào phân tích, đánh giá rủi ro theo các CSTC Nhóm II và Nhóm III để phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT và lựa chọn NNT có dấu hiệu rủi ro để xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế.

2. Đối với CSTC Nhóm II và Nhóm III

Phương pháp phân tích, đánh giá rủi ro thực hiện theo phương pháp chấm điểm và được thực hiện như sau:

- Phương pháp xác định điểm rủi ro của từng CSTC được tính toán theo các hàm xác suất thống kê hoặc theo phương pháp thống kê số liệu.

- Thang điểm áp dụng đối với các CSTC là thang điểm 10 trong đó mức điểm rủi ro cao nhất là 10 và mức điểm rủi ro thấp nhất là 1.

- Trọng số để đánh giá mức độ trọng yếu của từng CSTC cao nhất là 5 và thấp nhất là 1. Tổng cục Thuế quy định trọng số đối với từng CSTC phù hợp theo từng thời kỳ.

- Xác định tổng điểm rủi ro của NNT: là tổng giá trị điểm rủi ro các CSTC của từng NNT.

- Xếp hạng rủi ro: Trên cơ sở tổng điểm rủi ro của NNT và ngưỡng rủi ro được quy định từng thời kỳ, ứng dụng QLRR tự động xếp hạng rủi ro hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT của NNT được đánh giá theo một trong ba hạng: rủi ro cao, rủi ro trung bình và rủi ro thấp.

Phần II

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

Điều 8. Thu thập, xử lý thông tin

1. Thu thập, xử lý thông tin

Cơ quan thuế thực hiện thu thập, cập nhật và xử lý thông tin nhằm đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT và lựa chọn NNT có dấu hiệu rủi ro để xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế.

Thông tin phục vụ công tác phân tích, đánh giá, xếp hạng rủi ro phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT và lựa chọn NNT có dấu hiệu rủi ro để xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế được thu thập từ cơ sở dữ liệu ngành thuế, được quản lý tập trung tại Tổng cục Thuế thông qua ứng dụng công nghệ thông tin và được xử lý, chia sẻ, cung cấp cho cơ quan thuế các cấp để thực hiện công tác quản lý thuế theo quy định của pháp luật.

Cơ quan thuế, công chức thuế thực hiện thu thập, xử lý thông tin theo Quy trình thu thập, khai thác thông tin phục vụ quản lý rủi ro ban hành tại Quyết định số 86/QĐ-TCT ngày 08/02/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

2. Thông tin được khai thác từ các ứng dụng ngành thuế

a) Việc khai thác thông tin từ các ứng dụng ngành thuế được thực hiện theo cơ chế đồng bộ, tự động, định kỳ từ các ứng dụng quản lý thuế sang ứng dụng QLRR, đảm bảo tính kịp thời, đầy đủ, chính xác so với thông tin gốc từ cơ sở dữ liệu tại các ứng dụng quản lý thuế của ngành thuế.

b) Trong quá trình sử dụng các thông tin quản lý rủi ro được khai thác từ các ứng dụng ngành thuế, nếu phát hiện thông tin không đầy đủ, có sai sót hoặc bất thường, Bộ phận Quản lý rủi ro (hoặc các Bộ phận sử dụng kết quả đánh giá rủi ro) có trách nhiệm thông báo ngay đến các bộ phận thực hiện cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu theo quy định để bộ phận này thực hiện kiểm tra, điều chỉnh thông tin tại các ứng dụng của ngành thuế theo hướng dẫn tại Quyết định số 86/QĐ-TCT ngày 08/02/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

3. Thông tin do cơ quan thuế thu thập từ bên ngoài

a) Thông tin về giao dịch tài chính qua ngân hàng có dấu hiệu đáng ngờ (sau đây gọi tắt là thông tin giao dịch đáng ngờ) do cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng

cung cấp theo Quy chế số 1319/QCPH-CQTTGSNH-TCT ngày 11/5/2015 về việc phối hợp, trao đổi, cung cấp thông tin giữa cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng và Tổng cục Thuế hoặc Quy chế sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có), các bộ phận liên quan tại cơ quan thuế các cấp thực hiện như sau:

Việc xử lý thông tin của tổ chức cá nhân có giao dịch qua ngân hàng có dấu hiệu đáng ngờ tại cơ quan thuế các cấp được thực hiện theo Quyết định số 568/QĐ-BTC ngày 26/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế xử lý thông tin tổ chức, cá nhân có giao dịch đáng ngờ tại cơ quan thuế các cấp và Quyết định số 1796/QĐ-BTC ngày 11/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế xử lý thông tin tổ chức, cá nhân có giao dịch đáng ngờ tại cơ quan thuế các cấp hoặc các Quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

Bộ phận tiếp nhận, xử lý thông tin giao dịch đáng ngờ của cơ quan thuế sau khi đã thực hiện rà soát thông tin, báo cáo lãnh đạo cơ quan thuế phê duyệt kế hoạch tổ chức triển khai thanh tra, kiểm tra các tổ chức cá nhân có giao dịch đáng ngờ thì trong vòng năm (05) ngày làm việc phải thực hiện cập nhật các thông tin vào ứng dụng QLRR theo mẫu số 01-QLHT/QĐ-QLRR ban hành kèm theo Quyết định này.

Trường hợp NNT có giao dịch qua ngân hàng đáng ngờ và cơ quan thuế đã xác minh, thanh tra kiểm tra nhưng không phát hiện vi phạm thì trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ khi có kết luận thanh tra, kiểm tra, bộ phận tiếp nhận, xử lý thông tin giao dịch đáng ngờ phải nhập thông tin vào cột “Lý do điều chỉnh, bổ sung” theo mẫu số 01-QLHT/QĐ-QLRR ban hành kèm theo Quyết định này trên ứng dụng QLRR để làm căn cứ loại trừ việc xác định rủi ro khi NNT có đề nghị hoàn thuế.

b) Thông tin về việc xử lý hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; gian lận thương mại; xử lý vi phạm hành chính về thủ tục hải quan; xếp hạng rủi ro NNT xuất nhập khẩu do Tổng cục Hải quan cung cấp theo Quy chế trao đổi thông tin và phối hợp công tác giữa Tổng cục Hải quan và Tổng cục Thuế được ban hành kèm theo Quyết định số 2413/QĐ-BTC ngày 23/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc các Quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có), Tổng cục Thuế thực hiện như sau:

- Trường hợp nhận dữ liệu theo phương pháp kết nối điện tử:

Cục Công nghệ thông tin - Tổng cục Thuế có trách nhiệm xây dựng ứng dụng tiếp nhận, lưu trữ, khai thác các thông tin do Tổng cục Hải quan cung cấp theo định kỳ hoặc theo thời gian quy định tại Quy chế trao đổi thông tin giữa Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan; đồng thời đồng bộ thông tin sang ứng dụng QLRR đảm bảo tính kịp thời, đầy đủ, chính xác so với thông tin gốc do Tổng cục Hải quan chuyển sang.

- Trường hợp nhận dữ liệu điện tử (qua email, file mềm):

- + Ban Quản lý rủi ro - Tổng cục Thuế chịu trách nhiệm là đầu mối tiếp nhận dữ liệu điện tử (qua email, file mềm) từ Tổng cục Hải quan.

- + Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận dữ liệu điện tử do Tổng cục Hải quan cung cấp, Ban Quản lý rủi ro phối hợp cùng các đơn vị liên quan rà soát và chuyển Cục CNTT để truyền thông tin vào ứng dụng QLRR theo mẫu số 02-QLHT/QĐ-QLRR, mẫu số 03-QLHT/QĐ-QLRR ban hành kèm theo Quyết định này.

- Trường hợp nhận thông tin qua văn bản:

Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin do Tổng cục Hải quan cung cấp, Ban Quản lý rủi ro (hoặc đơn vị được phân công tiếp nhận thông tin) thực hiện cập nhật thông tin vào ứng dụng QLRR theo mẫu số 02-QLHT/QĐ-QLRR, mẫu số 03-QLHT/QĐ-QLRR ban hành kèm theo Quyết định này.

c) Thông tin về doanh nghiệp đang bị cơ quan thuế chuyển sang cơ quan công an được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 85/2016/TTLT-BTC-BCA ngày 20/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phối hợp công tác bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong lĩnh vực tài chính và Quy chế ban hành theo Quyết định số 489/QĐ-TCT ngày 07/4/2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về chuyển tin vụ việc về thuế báo tội phạm, hồ sơ kiến nghị khởi tố đối với hành vi vi phạm pháp luật về thuế có dấu hiệu tội phạm đến cơ quan điều tra hoặc các Quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có). Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế có văn bản gửi cơ quan điều tra về danh sách NNT có hành vi vi phạm pháp luật về thuế có dấu hiệu tội phạm trong lĩnh vực thuế, Bộ phận Thanh tra - kiểm tra của cơ quan thuế chuyển hồ sơ sang cơ quan công an thực hiện cập nhật thông tin trực tiếp vào ứng dụng QLRR theo mẫu số 04-QLHT/QĐ-QLRR ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 9. Xây dựng, sử dụng Bộ CSTC

Bộ CSTC tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này được sử dụng để phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT và lựa chọn NNT có dấu hiệu rủi ro để xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế. Trường hợp Bộ CSTC nêu trên được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo Bộ CSTC sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý theo từng thời kỳ, Tổng cục Thuế ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung CSTC ngoài các CSTC đã ban hành trong thẩm quyền được giao. Ban Quản lý rủi ro chủ trì phối hợp với các Vụ/đơn vị/Cục Thuế nghiên cứu, tham mưu trình Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế ban hành bổ sung hoặc điều chỉnh các CSTC phân tích rủi ro.

Trong trường hợp cần thiết, để phù hợp với thực tế công tác quản lý thuế tại địa phương, Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có văn bản đề nghị Tổng cục Thuế ban hành sửa đổi, bổ sung tiêu chí, CSTC đánh giá rủi ro. Văn bản đề nghị nêu rõ lý do; cơ sở lập tiêu chí, CSTC; công thức tính; điểm số; trọng số của từng tiêu chí, CSTC. Văn bản đề nghị của Cục Thuế gửi về Tổng cục Thuế (qua Ban Quản lý rủi ro) chậm nhất trước ngày 30/6 hàng năm để hoàn thiện các quy định liên quan đến áp dụng quản lý rủi ro trong công tác hoàn thuế GTGT và nâng cấp ứng dụng QLRR phân hệ hoàn thuế kịp thời.

Trường hợp Cục Thuế lựa chọn, xây dựng thêm Bộ CSTC mới để thực hiện phân tích, đánh giá rủi ro, phân loại hồ sơ hoàn thuế áp dụng tại địa phương, Cục Thuế có văn bản báo cáo gửi về Tổng cục Thuế (qua Ban Quản lý rủi ro) để xem xét quyết định thực hiện.

Điều 10. Đánh giá, phân loại mức độ rủi ro

1. Một số quy định chung về việc đánh giá, phân loại mức độ rủi ro

a) Việc đánh giá, phân loại mức độ rủi ro của NNT được thực hiện theo từng cơ quan thuế quản lý trực tiếp NNT và theo quy định tại Điều 34 Thông tư số

80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về giải quyết hồ sơ hoàn thuế.

b) Việc đánh giá, xác định ngưỡng rủi ro được thực hiện định kỳ hàng tháng. Việc phân tích, đánh giá, phân loại mức độ rủi ro của hồ sơ hoàn thuế được thực hiện tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế của NNT. Trong đó:

- Đánh giá định kỳ hàng tháng: được thực hiện tự động trên ứng dụng QLRR tại cấp Tổng cục Thuế để tổng hợp, xây dựng ngưỡng rủi ro phù hợp với yêu cầu quản lý thuế theo từng thời kỳ. Trường hợp Cục Thuế xây dựng thêm Bộ CSTC thì Cục Thuế thực hiện xác định trọng số, ngưỡng rủi ro để phân loại mức độ rủi ro trên cơ sở đề xuất gửi về Tổng cục Thuế để xem xét, quyết định phê duyệt.

- Đánh giá, phân loại mức độ rủi ro của NNT tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế: được thực hiện tự động trên ứng dụng QLRR tại cơ quan thuế các cấp để xác định mức độ rủi ro của NNT, làm cơ sở cho việc phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT và lựa chọn NNT có dấu hiệu rủi ro để xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế.

2. Kỳ đánh giá, xác định ngưỡng rủi ro

Ngày 25 hàng tháng, ứng dụng QLRR tại Tổng cục Thuế tự động thực hiện đánh giá, xác định điểm số rủi ro đối với hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT của NNT trong vòng 24 (hoặc 12) tháng tính đến thời điểm đánh giá.

Đối với CSTC được tính toán theo hàm xác suất thống kê: trên cơ sở đánh giá kết quả của hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT trong vòng 24 (hoặc 12) tháng tính đến thời điểm đánh giá, hệ thống tự động xác định ngưỡng phân loại mức độ rủi ro của từng CSTC. Khi NNT có đề nghị hoàn thuế được chuyển sang ứng dụng QLRR phân hệ hoàn thuế, hệ thống sẽ tự động phân tích và xác định điểm số rủi ro của NNT.

Đối với CSTC được tính toán theo phương pháp thống kê số liệu: Tổng cục Thuế có hướng dẫn về các thông số cho các CSTC phù hợp theo từng thời kỳ.

Trên cơ sở kết quả đánh giá, xác định tổng điểm rủi ro đối với NNT định kỳ hàng tháng và kết quả thống kê, phân tích, đánh giá số lượng, quy mô hồ sơ hoàn thuế và yêu cầu quản lý thuế trong từng thời kỳ, Tổng cục Thuế có trách nhiệm xây dựng ngưỡng rủi ro làm căn cứ đánh giá, phân loại mức độ rủi ro của NNT tại thời điểm nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT.

Ngưỡng rủi ro sau khi được Tổng cục Thuế ban hành sẽ được cập nhật vào ứng dụng QLRR và áp dụng cho việc đánh giá, phân loại mức độ rủi ro của NNT kể từ ngày ban hành ngưỡng rủi ro của Tổng cục Thuế có hiệu lực.

3. Đánh giá, phân loại mức độ rủi ro của NNT tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế

a) Tiếp nhận thông tin từ ứng dụng TMS (phân hệ hoàn thuế) sang ứng dụng QLRR (phân hệ hoàn thuế)

Trường hợp hồ sơ hoàn thuế GTGT có kết quả phân loại không thuộc diện kiểm tra theo quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, khoản 1 Điều 33 Thông tư số 80/2021/TT-BTC, ứng dụng TMS (phân hệ hoàn thuế) tự động chuyển thông tin sang ứng dụng QLRR phân hệ hoàn thuế để tiếp tục thực hiện đánh giá rủi ro và phân loại hồ sơ hoàn thuế.

b) Đánh giá, xếp hạng rủi ro theo Bộ CSTC

Tại thời điểm ứng dụng QLRR nhận được thông tin trên đề nghị hoàn thuế GTGT của NNT, ứng dụng QLRR tự động rà soát, xác định điểm số, mức độ rủi ro hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT của NNT theo thứ tự ưu tiên (2); (3); (4) hướng dẫn tại khoản 4 Điều 5 Quyết định này.

Ứng dụng QLRR tự động rà soát xác định hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT của NNT có dấu hiệu rủi ro theo các CSTC Nhóm I. Trường hợp hồ sơ đề nghị hoàn thuế của NNT thuộc một trong các CSTC Nhóm I thì được phân loại theo diện kiểm tra trước hoàn thuế sau. Trường hợp hồ sơ đề nghị hoàn thuế của NNT không thuộc một trong các CSTC Nhóm I thì ứng dụng QLRR tiếp tục phân tích xác định điểm số rủi ro đối với CSTC Nhóm II, CSTC Nhóm III và căn cứ ngưỡng rủi ro đã được Tổng cục Thuế ban hành, cài đặt trên ứng dụng QLRR để phân loại mức độ rủi ro của NNT (theo một trong ba hạng: rủi ro cao, rủi ro trung bình và rủi ro thấp). Kết quả phân loại mức độ rủi ro của NNT được thực hiện theo mẫu số 05-QLHT/QĐ-QLRR và mẫu số 06-QLHT/QĐ-QLRR ban hành kèm theo Quyết định này.

c) In phiếu nhận xét kết quả phân tích hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT

Kết quả việc đánh giá, phân loại mức độ rủi ro của NNT tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế là căn cứ để thực hiện việc phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT của NNT. Ứng dụng QLRR hỗ trợ in Phiếu nhận xét kết quả phân tích hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT theo các dấu hiệu rủi ro cao (Theo mẫu số 07-QLHT/QĐ-QLRR) mà Bộ CSTC đưa ra để công chức thuế làm căn cứ phân loại hồ sơ hoàn.

Điều 11. Phân loại hồ sơ hoàn thuế, luân chuyển kết quả phân loại hồ sơ hoàn thuế

1. Nguyên tắc phân loại hồ sơ hoàn thuế

Ngay trong ngày làm việc, ứng dụng QLRR tự động trả kết quả phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT thuộc diện “hoàn thuế trước” hoặc “kiểm tra trước hoàn thuế” sang ứng dụng TMS phân hệ hoàn thuế theo phiếu phân loại hồ sơ hoàn thuế mẫu 02/QĐ-HT ban hành kèm theo Quy trình số 679/QĐ-TCT ngày 31/5/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

Trường hợp ứng dụng QLRR phân hệ hoàn thuế gặp sự cố, không trả kết quả sau thời gian nêu trên thì bộ phận QLRR lập phiếu đề xuất phương án giải quyết theo mẫu số 08-QLHT/QĐ-QLRR ban hành tại Quyết định này chuyển Lãnh đạo cơ quan thuế phê duyệt phương án phân tích, đánh giá rủi ro thủ công đối với hồ sơ hoàn thuế theo “Trường hợp chưa áp dụng ứng dụng phân tích dữ liệu và quản lý rủi ro để phân loại hồ sơ hoàn thuế” quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy trình hoàn thuế ban hành tại Quyết định số 679/QĐ-TCT.

2. Phân loại hồ sơ hoàn thuế

a) Hồ sơ hoàn thuế thuộc loại rủi ro cao về thuế: Thực hiện kiểm tra trước, hoàn thuế sau

Trong 12 tháng liên tục tính từ đầu năm tài chính, NNT có hồ sơ hoàn thuế liên tiếp được đánh giá là rủi ro cao:

a.1) Trường hợp lần đánh giá rủi ro đang thực hiện so với lần đánh giá trước liền kề khác nhau về tổng số điểm rủi ro hoặc điểm rủi ro tại mỗi tiêu chí, chỉ số tiêu chí khác nhau: hồ sơ hoàn thuế thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế sau.

a.2) Trường hợp lần đánh giá rủi ro đang thực hiện so với lần đánh giá trước liền kề giống nhau về tổng số điểm và số điểm tại mỗi tiêu chí, chỉ số; hoặc hồ sơ hoàn thuế đang thực hiện so với lần đánh giá trước liền kề có số điểm rủi ro tại mỗi chỉ số thấp hơn dẫn đến tổng điểm rủi ro thấp hơn tương ứng:

- Kết quả kiểm tra hồ sơ hoàn thuế lần trước liền kề hoặc thanh tra, kiểm tra sau hoàn thuế không phát hiện hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn thì hồ sơ hoàn thuế lần tiếp theo không thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế.

- Trường hợp kiểm tra hồ sơ hoàn thuế lần trước liền kề hoặc thanh tra, kiểm tra sau hoàn thuế phát hiện hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn thì hồ sơ hoàn thuế lần tiếp theo thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế.

b) Hồ sơ hoàn thuế thuộc các loại rủi ro trung bình và rủi ro thấp: thực hiện hoàn thuế trước, kiểm tra sau.

3. Xử lý kết quả phân loại hồ sơ hoàn thuế

Trường hợp sau khi ứng dụng QLRR phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT thuộc diện hoàn thuế trước kiểm tra sau nhưng trong quá trình giải quyết theo quy định tại Quy trình hoàn thuế ban hành tại Quyết định số 679/QĐ-TCT, Thông tư số 80/2021/TT-BTC mà cơ quan thuế chuyển hồ sơ sang diện kiểm tra trước (trước khi trả thông báo chấp nhận hồ sơ hoàn thuế của NNT) thì ứng dụng TMS phải cập nhật trạng thái, lý do chuyển kiểm tra trước và cập nhật sang ứng dụng QLRR phân hệ hoàn thuế để theo dõi loại trừ kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế.

4. Kết quả phân loại giải quyết hồ sơ hoàn thuế và thay đổi kết quả phân loại giải quyết hồ sơ hoàn thuế được lưu trữ trên ứng dụng QLRR theo mẫu số 07-QLHT/QĐ-QLRR ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 12. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế

1. Lựa chọn NNT có dấu hiệu rủi ro để xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế

Hồ sơ hoàn thuế GTGT sau khi được phân loại giải quyết tại Điều 11 Quyết định này, đối với hồ sơ hoàn thuế thuộc diện hoàn thuế trước kiểm tra sau, ứng dụng QLRR đồng thời tự động xác định hồ sơ hoàn thuế thuộc trường hợp phải kiểm tra trong vòng một (01) năm, ba (03) năm hay trong vòng năm (05) năm kể từ ngày có Quyết định hoàn thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế và kết quả đánh giá, xếp hạng NNT tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế, cụ thể như sau:

a) Hồ sơ hoàn thuế GTGT thuộc diện hoàn thuế trước kiểm tra sau phải kiểm tra trong vòng một (01) năm kể từ ngày có Quyết định hoàn thuế, bao gồm:

- Các trường hợp phải kiểm tra sau hoàn thuế trong thời hạn một (01) năm kể từ ngày có Quyết định hoàn thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Hồ sơ hoàn thuế GTGT của NNT được xếp hạng rủi ro cao nhưng thuộc diện hoàn thuế trước kiểm tra sau theo quy định tại điểm a2, khoản 1, Điều 18 Thông tư số 31/2021/TT-BTC.

b) Hồ sơ hoàn thuế GTGT của NNT được xếp hạng rủi ro trung bình phải thực hiện kiểm tra, thanh tra trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày ban hành Quyết định hoàn thuế.

c) Hồ sơ hoàn thuế GTGT của NNT được xếp hạng rủi ro thấp phải thực hiện kiểm tra, thanh tra trong thời hạn năm (05) năm kể từ ngày ban hành Quyết định hoàn thuế.

Sau khi Quyết định hoàn thuế đối với hồ sơ hoàn thuế GTGT thuộc diện hoàn thuế trước kiểm tra sau được ban hành và được cập nhập trên ứng dụng TMS, ứng dụng QLRR tự động đồng bộ các thông tin từ ứng dụng TMS và đối chiếu với hồ sơ hoàn thuế đã được phân hạng rủi ro để xác định thời hạn kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế GTGT theo quy định.

2. Chuyển kết quả phân loại để thực hiện kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế

Định kỳ ngày cuối cùng hàng tháng, ứng dụng QLRR phân hệ hoàn thuế xác định được trường hợp NNT phải kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế sẽ thực hiện chuyển NNT sang ứng dụng QLRR phân hệ lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra theo mẫu số 09-QLHT/QĐ-QLRR để thực hiện theo dõi và đưa vào phân tích rủi ro khi cơ quan thuế xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra đầu năm hoặc khi điều chỉnh kế hoạch trong năm và lựa chọn ra NNT đưa vào kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế GTGT hoặc kết hợp với thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch năm, theo nguyên tắc:

+ Rủi ro cao: cơ quan thuế đưa vào kế hoạch thanh tra kiểm tra theo chuyên đề hoàn của năm hoặc kết hợp giữa thanh tra kiểm tra theo kế hoạch năm với thanh tra kiểm tra hoàn thuế GTGT.

+ Rủi ro trung bình hoặc rủi ro thấp: nếu NNT chưa đến hạn thanh tra kiểm tra sau hoàn thì ứng dụng QLRR phân hệ lập kế hoạch thanh tra kiểm tra tại trụ sở NNT tiếp tục theo dõi và đưa vào phân tích rủi ro khi lập kế hoạch thanh tra kiểm tra tại kỳ điều chỉnh kế hoạch năm hoặc tại các năm tiếp theo (nếu tại kỳ điều chỉnh năm trước vẫn thuộc rủi ro trung bình hoặc thấp). Trường hợp NNT đến hạn phải thanh tra kiểm tra sau hoàn, cơ quan thuế đưa vào lập kế hoạch thanh tra kiểm tra theo chuyên đề hoàn trong năm như thông thường.

Trường hợp NNT được cơ quan thuế giải quyết hoàn thuế bằng nhiều Quyết định hoàn thuế có thời điểm khác nhau thì thời hạn kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế căn cứ vào thời gian trên từng Quyết định về việc hoàn thuế ban hành tại Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Thời hạn kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế GTGT cụ thể đối với các trường hợp này được thực hiện theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế. Cục Thanh tra - Kiểm tra thuế chủ trì, tham mưu trình Tổng cục Thuế hướng dẫn thực hiện nội dung này.

Điều 13. Báo cáo kết quả thực hiện

1. Mục đích

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá, kiểm tra, có các giải pháp kịp thời đảm bảo việc thu thập, xử lý, cập nhật thông tin phục vụ đánh giá rủi ro; việc tuân thủ sử dụng kết quả đánh giá, phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT.

- Tổng hợp thông tin theo dõi, đánh giá để có cơ sở xem xét, điều chỉnh kịp thời Bộ CSTC, ngưỡng rủi ro để phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT và lựa chọn NNT có dấu hiệu rủi ro để xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế.

2. Nội dung

a) Đối với Cục Thuế, Chi cục Thuế

- Thủ trưởng cơ quan thuế tổ chức, bố trí phân công bộ phận, công chức thực hiện việc áp dụng quản lý rủi ro trong phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT và lựa chọn NNT có dấu hiệu rủi ro để xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế theo đúng các nội dung công việc và thời gian quy định tại Quyết định này.

- Thực hiện việc thu thập, xử lý các thông tin quản lý rủi ro theo quy định tại các Quyết định, Quy chế, Quy trình nghiệp vụ do Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế ban hành.

- Theo dõi, kiểm tra giám sát việc thực hiện áp dụng quản lý rủi ro trong việc phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT tại Cục Thuế, Chi cục Thuế theo quy định và Quyết định này. Tuân thủ kết quả đánh giá xếp hạng và kết quả phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT do hệ thống xác định.

- Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện áp dụng quản lý rủi ro trong hoàn thuế GTGT và kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế, cụ thể:

+ Báo cáo kết quả phân loại giải quyết hồ sơ hoàn thuế GTGT và kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế theo mẫu số 10-QLHT/QĐ-QLRR ban hành tại Quyết định này;

+ Báo cáo đánh giá hiệu quả Bộ CSTC được thực hiện theo mẫu số 11-QLHT/QĐ-QLRR và mẫu số 12-QLHT/QĐ-QLRR ban hành tại Quyết định này.

- Thời hạn gửi báo cáo đánh giá và đề xuất kiến nghị:

+ Chi cục Thuế gửi báo cáo đánh giá và đề xuất kiến nghị về Cục Thuế trước ngày 15/2 hàng năm.

+ Cục Thuế gửi báo cáo đánh giá và đề xuất kiến nghị của Văn phòng Cục Thuế và các Chi cục Thuế trực thuộc về Tổng cục Thuế (qua Ban Quản lý rủi ro) trước ngày 25/02 hàng năm.

Việc đánh giá được thực hiện định kỳ hàng năm và theo các yêu cầu nghiệp vụ phát sinh cụ thể.

b) Đối với các Vụ/Đơn vị thuộc Tổng cục Thuế

- Vụ Kế khai và Kế toán thuế, Cục Thanh tra - Kiểm tra thuế

Có trách nhiệm cung cấp số liệu liên quan đến tỷ lệ hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế sau; tỷ lệ kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế GTGT đối với hồ sơ hoàn thuế thuộc diện hoàn thuế trước kiểm tra sau; phối hợp xây dựng ngưỡng rủi ro để quy định tỷ lệ kiểm tra trước hoàn thuế và tỷ lệ kiểm tra thanh tra, thời gian kiểm tra thanh tra sau hoàn thuế GTGT kể từ khi có Quyết định hoàn thuế phù hợp với yêu cầu quản lý từng thời kỳ.

- Cục Công nghệ thông tin

Có trách nhiệm xây dựng hệ thống ứng dụng đáp ứng đầy đủ yêu cầu nghiệp vụ quy định tại Quyết định này và các văn bản có liên quan cũng như các yêu cầu nghiệp vụ phát sinh trong quá trình triển khai; đảm bảo duy trì hệ thống ứng dụng hoạt động ổn định, thông suốt.

- Ban Quản lý rủi ro

+ Chỉ đạo, hướng dẫn các Cục Thuế thực hiện Quyết định này;

+ Chủ trì tổng hợp trình Tổng cục ban hành ngưỡng rủi ro để phân loại giải quyết hồ sơ hoàn thuế GTGT và lựa chọn NNT có dấu hiệu rủi ro để xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế phù hợp với yêu cầu quản lý theo từng thời kỳ;

+ Theo dõi, kiểm tra giám sát công tác phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT và lựa chọn NNT có dấu hiệu rủi ro để xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn thực hiện tại Quyết định này;

+ Trước ngày 28/2 hàng năm tổng hợp báo cáo đánh giá áp dụng quản lý rủi ro trong phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT và kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế; tổng hợp, phân tích, đánh giá phương pháp, nội dung đánh giá; nội dung các quy định trong Bộ CSTC; đề xuất trình Tổng cục, trình Bộ sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định liên quan đến áp dụng quản lý rủi ro trong công tác hoàn thuế GTGT;

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác áp dụng quản lý rủi ro trong phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT và lựa chọn NNT để xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế do Tổng cục giao;

+ Dựa trên việc tổ chức công tác tự kiểm tra, đánh giá tại cơ quan thuế các cấp, tổ chức các đoàn công tác theo chuyên đề để kiểm tra việc áp dụng quản lý rủi ro trong việc phân loại giải quyết hồ sơ hoàn thuế GTGT và lựa chọn NNT có dấu hiệu rủi ro để xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế tại cơ quan thuế các cấp;

+ Thực hiện các biện pháp khác theo yêu cầu quản lý.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý rủi ro chủ trì phối hợp với Vụ Kế khai và Kế toán thuế, Cục Thanh tra - Kiểm tra thuế, Cục Công nghệ thông tin của Tổng cục Thuế chịu trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Lãnh đạo cơ quan thuế các cấp chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện theo Quyết định này; định kỳ hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quyết định của các đơn vị thuộc quyền quản lý.

3. Trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, các Vụ/đơn vị thuộc Tổng cục Thuế, Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phản ánh, báo cáo kịp thời về Tổng cục Thuế (qua Ban Quản lý rủi ro) để xem xét giải quyết./.

PHỤ LỤC I

BỘ CHỈ SỐ TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI HỒ SƠ HOÀN THUẾ GTGT VÀ LỰA CHỌN NGƯỜI NỘP THUẾ ĐỂ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KIỂM TRA, THANH TRA SAU HOÀN THUẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1388/QĐ-TCT ngày 18 tháng 9 năm 2023 của
Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

					Phạm vi áp dụng: hoàn xuất khẩu (1); hoàn đầu tư (2)
I. Chỉ số tiêu chí Nhóm 1					
STT	Tiêu chí	Chỉ số tiêu chí			
1	Tiêu chí số 1: Giao dịch qua ngân hàng, tổ chức tín dụng khác có dấu hiệu đáng ngờ	1. Trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm có đề nghị hoàn, doanh nghiệp có các thông tin giao dịch qua ngân hàng có dấu hiệu đáng ngờ do cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng cung cấp đã được cơ quan thuế rà soát, xác định thuộc danh sách rủi ro			(1); (2)
2	Tiêu chí số 2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp	2. Trong vòng 24 tháng tính đến thời điểm có đề nghị hoàn, doanh nghiệp có người đại diện theo pháp luật là người đã từng hoặc đang là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo thông báo của cơ quan thuế			(1); (2)
		3. Tính đến thời điểm có đề nghị hoàn, doanh nghiệp có người đại diện theo pháp luật đồng thời là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp khác bị cơ quan thuế chuyển hồ sơ sang cơ quan công an			(1); (2)
3	Tiêu chí số 3: Tiêu chí khác	4. Doanh nghiệp thuộc danh sách người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro thuộc kế hoạch kiểm tra về quản lý và sử dụng hóa đơn tính trong 12 tháng liên tục kể từ thời điểm có đề nghị hoàn			(1); (2)
II. Chỉ số tiêu chí Nhóm 2					
STT	Tiêu chí	Chỉ số tiêu chí	Trọng số	Điểm số	
Nhóm chỉ số tiêu chí phân loại mức độ rủi ro người nộp thuế					
1	Tiêu chí số 1. Thông tin chung về doanh nghiệp	1. Doanh nghiệp thương mại có vốn chủ hữu nhỏ nhưng số đề nghị hoàn lớn	1 đến 5	8	(1)

2	Tiêu chí số 2. Tình hình sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp	2. Tại thời điểm có đề nghị hoàn, doanh nghiệp sử dụng hóa đơn mua vào của người nộp thuế hiện đang tạm dừng hoạt động kinh doanh, ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế	- Tỷ lệ “Thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ mua vào của doanh nghiệp hiện đang tạm dừng hoạt động kinh doanh, ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế/ Tổng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ” tại kỳ đề nghị hoàn lớn	1 đến 5	1 đến 10	(1)
			- Tại kỳ đề nghị hoàn, doanh nghiệp sử dụng nhiều hóa đơn mua vào của doanh nghiệp hiện đang tạm dừng hoạt động kinh doanh, ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế		10	(1); (2)
		3. Tại kỳ đề nghị hoàn, doanh nghiệp sử dụng hóa đơn mua vào của các doanh nghiệp hiện không hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký	- Tỷ lệ “Thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ mua vào của doanh nghiệp hiện không hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký/ Tổng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ” tại kỳ đề nghị hoàn lớn	1 đến 5	1 đến 10	(1)
			- Tại kỳ đề nghị hoàn, doanh nghiệp sử dụng nhiều hóa đơn mua vào của doanh nghiệp hiện		10	(1); (2)

			không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký			
3	Tiêu chí số 3. Số thuế được hoàn trong kỳ	4. Doanh nghiệp có số tiền đề nghị hoàn tăng nhanh	- Tỷ lệ “Số tiền đề nghị hoàn kỳ này/ Số tiền đề nghị hoàn kỳ trước” lớn	1 đến 5	1 đến 10	(1)
			- Số tiền đề nghị hoàn kỳ này lớn		1 đến 10	(1)
4	Tiêu chí số 4. Biến động các khoản lợi nhuận	5. Tính đến thời điểm có đề nghị hoàn, doanh nghiệp có tỷ lệ “Số lỗ lũy kế/ Vốn chủ sở hữu” lớn		1 đến 5	1 đến 10	(1)
5	Tiêu chí số 5. Số lần kê khai lỗ	6. Tính đến thời điểm có đề nghị hoàn, kết quả kinh doanh 5 năm trước liền kề của doanh nghiệp thuộc trường hợp	- Lỗ 4 năm - 5 năm	1 đến 5	10	(1)
			- Lỗ 3 năm		6	
			- Lỗ 2 năm		4	
			- Lỗ 1 năm		2	
6	Tiêu chí số 6. Sự biến động doanh thu hàng hóa, cung cấp dịch vụ bán ra	7. Doanh nghiệp có tỷ lệ “Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ/ Vốn chủ sở hữu” cao		1 đến 5	1 đến 10	(1)
7	Tiêu chí số 7. Thời gian thành lập	8. Tính đến thời điểm có đề nghị hoàn, doanh nghiệp có thời gian thành lập ngắn	- Dưới 1 năm	1 đến 5	8	(1)
			- Từ 1 năm đến dưới 2 năm		6	
			- Từ 2 năm đến dưới 3 năm		3	
			- Từ 3 năm trở lên		1	
		9. Trong vòng 24 tháng tính đến thời điểm có đề nghị hoàn, doanh nghiệp có nhiều lần tạm ngừng kinh doanh	- 1 lần	1 đến 5	2	(1)
			- 2 lần		6	
			- 3 lần		8	
			- 4 lần trở lên		10	
8	Tiêu chí số 8. Địa chỉ trụ sở theo đăng	10. Trong vòng 24 tháng tính	- 1 lần	1 đến 5	2	(1)
			- 2 lần		6	

	ký của doanh nghiệp	đến thời điểm có đề nghị hoàn, doanh nghiệp có nhiều lần thay đổi địa chỉ trụ sở kinh doanh	- 3 lần		8		
			- 4 lần trở lên		10		
Nhóm chỉ số tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật thuế							
9	Tiêu chí số 9. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp	11. Tính đến thời điểm có đề nghị hoàn, doanh nghiệp có người đại diện theo pháp luật đồng thời là	- Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đã bị giải thể trong vòng 24 tháng tính đến thời điểm có đề nghị hoàn		1 đến 5	6	(1); (2)
			- Người đã từng hoặc đang là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế			8	(1); (2)
		- Người đại diện theo pháp luật của nhiều doanh nghiệp đang hoạt động	- 02 doanh nghiệp	1 đến 5	2	(1); (2)	
			- 03 doanh nghiệp		6		
			- 04 doanh nghiệp		8		
			- 05 doanh nghiệp trở lên		10		
		12. Trong vòng 24 tháng tính đến thời điểm có đề nghị hoàn, doanh nghiệp có nhiều lần thay đổi người đại diện theo pháp luật	- 01 lần	1 đến 5	2	(1); (2)	
			- 02 lần		4		
			- 03 lần trở lên		6		
		10	Tiêu chí số 10. Số thuế thu hồi sau hoàn thuế	13. Tính đến thời điểm có đề nghị hoàn, doanh nghiệp có số thuế truy thu, truy hoàn của kỳ thanh tra, kiểm tra gần nhất lớn	1 đến 5	1 đến 10	(1)
11	Tiêu chí số 11. Lịch sử hoàn thuế	14. Tỷ lệ “Số tiền thuế đã hoàn/số tiền thuế đề nghị hoàn” của kỳ hoàn thuế gần nhất ở mức thấp	1 đến 5	1 đến 10	(1)		
III. Chỉ số tiêu chí Nhóm III (Chỉ số tiêu chí tham khảo)							

STT	Tiêu chí	Chỉ số tiêu chí		Trọng số	Điểm số	
1	Tiêu chí số 1. Tổng số lần doanh nghiệp bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế	1. Trong vòng 24 tháng tính đến thời điểm có đề nghị hoàn, doanh nghiệp nhiều lần bị cơ quan thuế ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn	- Mức rủi ro thấp	1 đến 5	1	(1)
			- Mức rủi ro trung bình		4	
			- Mức rủi ro cao		6	
			- Mức rủi ro rất cao		8	
2	Tiêu chí số 2. Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính về thuế	2. Trong vòng 24 tháng tính đến thời điểm có đề nghị hoàn, doanh nghiệp bị cơ quan thuế ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn với số tiền phạt như sau:	- Dưới 50 triệu đồng	1 đến 5	2	(1); (2)
			- Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng		6	
			- Từ 100 triệu đồng đến 200 triệu đồng		8	
3	Tiêu chí số 3. Kỳ đã được thanh tra, kiểm tra gần nhất	3. Kỳ đã được thanh tra, kiểm tra gần nhất của doanh nghiệp tính đến thời điểm có đề nghị hoàn:	- 1 năm	1 đến 5	2	(1)
			- 2 năm		4	
			- 3 năm		6	
			- 4 năm trở lên		8	
4	Tiêu chí số 4. Thông tin chung về doanh nghiệp	4. Doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu nhỏ và tỷ lệ “Tài sản cố định/ Vốn chủ sở hữu” thấp		1 đến 5	1 đến 10	(1)
5	Tiêu chí số 5. Tình hình sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp	5. Doanh nghiệp sử dụng hóa đơn mua vào của doanh nghiệp có thời gian thành lập ngắn và có số thuế GTGT phải nộp ít, số lao động ít		1 đến 5	8	(1)
6	Tiêu chí số 6. Tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua	6. Doanh nghiệp có tỷ lệ “Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu/ Giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào”		1 đến 5	1 đến 10	(1)

	vào	tại kỳ đề nghị hoàn thuế lớn				
7	Tiêu chí số 7. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp	7. Tính đến thời điểm có đề nghị hoàn, doanh nghiệp có người đại diện theo pháp luật	- Đồng thời là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh từ ba (03) lần trở lên trong vòng 24 tháng tính đến thời điểm có đề nghị hoàn	1 đến 5	8	(1); (2)
			- Đã từng là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp khác bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	1 đến 5	8	
8	Tiêu chí số 8. Tổng doanh thu hàng hóa, cung cấp dịch vụ bán ra	8. Doanh nghiệp có tỷ lệ “Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu/ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” tại kỳ đề nghị hoàn lớn		1 đến 5	1 đến 10	(1)
9	Tiêu chí số 9. Lịch sử hoàn thuế	9. Số tiền thuế không được hoàn của kỳ hoàn thuế gần nhất lớn		1 đến 5	1 đến 10	(1)
10	Tiêu chí số 10. Tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào.	10. Tại kỳ đề nghị hoàn, Doanh nghiệp có chênh lệch lớn giữa Giá trị của hàng hóa, dịch vụ mua vào trên tờ khai với Giá trị hàng hóa và dịch vụ trên hóa đơn đầu vào của doanh nghiệp		1 đến 5	1 đến 10	(1)
11	Tiêu chí số 11. Số vốn đăng ký	11. Tính đến thời điểm có đề nghị hoàn, doanh nghiệp không góp đủ vốn điều lệ theo quy định		1 đến 5	6	(1)
12	Tiêu chí số 12. Tài sản của doanh nghiệp	12. Tại kỳ đề nghị hoàn, doanh nghiệp sản xuất nhưng không có tài sản cố định, hoặc tài sản cố định rất ít		1 đến 5	8	(1)
13	Tiêu chí số 13. Lợi nhuận của doanh nghiệp	13. Doanh nghiệp có tỷ lệ “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp/ vốn chủ sở hữu” thấp		1 đến 5	1 đến 10	(1)
14	Tiêu chí số 14.	14. Tại thời điểm	- Hạng 1, hạng 2	1 đến	6	(1)

	Kết quả đánh giá tuân thủ pháp luật về hải quan, kế toán, thống kê tài chính doanh nghiệp và phân loại rủi ro người nộp thuế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	có đề nghị hoàn, doanh nghiệp được xếp hạng rủi ro của cơ quan Hải quan	- Hạng 3, hạng 4, hạng 7	5	8	
			- Hạng 5, hạng 6		4	
			- Hạng 8, hạng 9		2	
		15. Tại thời điểm có đề nghị hoàn, doanh nghiệp xuất khẩu có mặt hàng thuộc danh mục hàng hóa rủi ro về trị giá của cơ quan Hải quan và có doanh thu xuất khẩu cao hơn mức giá tham chiếu của Hải quan nhiều lần		1 đến 5	10	(1)
15	Tiêu chí số 15. Dấu hiệu rủi ro theo từng thời kỳ	16. Doanh nghiệp có mặt hàng kinh doanh nằm trong diện cảnh báo rủi ro của cơ quan thuế theo từng thời kỳ		1 đến 5	10	(1); (2)
		17. Doanh nghiệp có đề nghị hoàn thuế là doanh nghiệp được thành lập tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa		1 đến 5	6	(1)
16	Tiêu chí số 16. Tiêu chí khác	18. Hồ sơ đề nghị hoàn thuế có kỳ đề nghị hoàn thuế dài từ trên 1 năm trở lên		1 đến 5	6	(1)
		19. Doanh nghiệp thuộc danh sách người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro cao trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế từ đầu năm nhưng tại thời điểm có đề nghị hoàn chưa được thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế		1 đến 5	10	(1); (2)
		20. Các chỉ số tiêu chí đánh giá rủi ro khác do Tổng cục Thuế quy định				

PHỤ LỤC II

DANH MỤC BIỂU MẪU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1388/QĐ-TCT ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

STT	Mẫu số	Tên biểu mẫu	Số trang
1.	01-QLHT/QĐ-QLRR	Mẫu thu thập thông tin giao dịch đáng ngờ từ ngân hàng	01
2.	02-QLHT/QĐ-QLRR	Mẫu thu thập thông tin xếp hạng rủi ro doanh nghiệp của Tổng cục Hải quan	01
3.	03-QLHT/QĐ-QLRR	Mẫu thu thập thông tin xử lý vi phạm của Tổng cục Hải quan	01
4.	04-QLHT/QĐ-QLRR	Mẫu thu thập thông tin doanh nghiệp đang bị cơ quan thuế chuyển sang cơ quan công an	01
5.	05-QLHT/QĐ-QLRR	Danh sách người nộp thuế thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế sau (Áp dụng đối với chỉ số tiêu chí Nhóm I Bộ CSTC ban hành theo QĐ số/QĐ-TCT ngày .../.../2023)	01
6.	06-QLHT/QĐ-QLRR	Bảng kết quả phân tích, xác định điểm rủi ro của các doanh nghiệp (Áp dụng đối với chỉ số tiêu chí Nhóm II, Nhóm III Bộ CSTC ban hành theo QĐ số/QĐ-TCT ngày .../.../2023)	01
7.	07-QLHT/QĐ-QLRR	Phiếu nhận xét kết quả phân tích hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT (Áp dụng đối với chỉ số tiêu chí Nhóm II, Nhóm III Bộ CSTC ban hành theo QĐ số/QĐ-TCT ngày .../.../2023)	02
8.	08-QLHT/QĐ-QLRR	Phiếu đề xuất phương án giải quyết (Trong trường hợp ứng dụng QLRR phân hệ hoàn thuế gặp sự cố)	01
9.	09-QLHT/QĐ-QLRR	Danh sách kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế GTGT	01
10.	10-QLHT/QĐ-QLRR	Báo cáo kết quả phân loại giải quyết hồ sơ hoàn thuế GTGT và kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế	01

11.	11-QLHT/QĐ-QLRR	Báo cáo đánh giá hiệu quả các chỉ số tiêu chí Nhóm I (Áp dụng đối với chỉ số tiêu chí Nhóm I Bộ CSTC ban hành theo QĐ số .../QĐ-TCT ngày....)	01
12.	12-QLHT/QĐ-QLRR	Báo cáo đánh giá hiệu quả các chỉ số tiêu chí Nhóm II, Nhóm III (Áp dụng đối với chỉ số tiêu chí Nhóm II, Nhóm III Bộ CSTC ban hành theo QĐ số .../QĐ-TCT ngày.....)	01
13.	13-QLHT/QĐ-QLRR	Danh sách mặt hàng kinh doanh thuộc diện cảnh báo rủi ro của cơ quan thuế (Tổng cục Thuế, Cục thuế nhập vào ứng dụng)	01
14.	14-QLHT/QĐ-QLRR	Danh sách các địa bàn vùng sâu, vùng xa (Tổng cục Thuế nhập vào ứng dụng)	01

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP DƯỚI

Mẫu số 01-QLHT/QĐ-QLRR
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1388/QĐ-TCT ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

MẪU THU THẬP THÔNG TIN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ TỪ NGÂN HÀNG

Kỳ báo cáo:

ST T	Công văn thông báo của Ngân hàng			Công văn phân công xử lý của Tổng cục/Cục/Chi cục				Mã số thuế tổ chức	Tên tổ chức	Trạng thái tổ chức	Cơ quan thuế quản lý tổ chức	Mã số thuế (CCCD) cá nhân/Tổ chức liên quan	Tên tổ chức / Cá nhân liên quan	Trạng thái cá nhân	Cơ quan thuế quản lý cá nhân	Số tiền giao dịch	Ngày giao dịch	Kết quả xử lý	Ghi chú (Lý do điều chỉnh, bổ sung)
	Số Công văn	Ngày Công văn	Hạn hoàn thành	Số Công văn	Ngày Công văn	Đơn vị phát hành	Hạn hoàn thành												
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

CÔNG CHỨC LẬP

Ngày... tháng... năm 202....
LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP DƯỚI

Mẫu số 02-QLHT/QĐ-QLRR
(Ban hành kèm theo Quyết định số
1388/QĐ-TCT ngày 18 tháng 9 năm 2023
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

**MẪU THU THẬP THÔNG TIN XẾP HẠNG RỦI RO DOANH NGHIỆP
CỦA TỔNG CỤC HẢI QUAN**

STT	Ngày xếp hạng	Mã số thuế	Tên NNT	Hạng rủi ro	Số công văn	Số Quyết định	Ngày Quyết định
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
3							

CÔNG CHỨC LẬP

Ngày... tháng... năm 202....
LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP DƯỚI

Mẫu số 03-QLHT/QĐ-QLRR
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1388/QĐ-TCT ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

MẪU THU THẬP THÔNG TIN XỬ LÝ VI PHẠM
CỦA TỔNG CỤC HẢI QUAN

STT	Thông tin chung					Thông tin chi tiết xử lý vi phạm									
	Số công văn	Số Quyết định	Ngày Quyết định	Từ ngày	Đến ngày	Mã hồ sơ	Mã số thuế	Tên tổ chức	Địa chỉ kinh doanh	Số quyết định	Số quyết định giấy	Ngày quyết định giấy	Người ký quyết định	Hình thức xử phạt	Hành vi vi phạm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1															
2															
3															

CÔNG CHỨC LẬP

Ngày... tháng... năm 202....
LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP DƯỚI

Mẫu số 04-QLHT/QĐ-QLRR
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1388/QĐ-TCT ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

MẪU THU THẬP THÔNG TIN DOANH NGHIỆP ĐANG BỊ CƠ QUAN THUẾ CHUYỂN SANG CƠ QUAN CÔNG AN

Tháng... năm....

ST T	Tên doan h ngiệ p	MS T	Cơ quan Thuế chuyển tin báo, chuyển hồ sơ sang cơ quan chức năng đối với hồ sơ có dấu hiệu tội phạm										Kết quả xử lý của cơ quan chức năng										Kết quả xử lý của cơ quan Thuế đối với các trường hợp cơ quan chức năng chuyển lại cơ quan thuế						Ghi chú					
			Chuy ển tin báo (x)	Chuy ển hồ sơ kiến nghị khởi tố (x)	Tên cơ quan thuế chuy ển thông tin, hồ sơ tài liệu	Văn bản		Tó m tắt nội dung (vi phạ m và kiến ngh ị)	Số lượn g hóa đơn, chứn g từ (vi phạ m)	Số tiền thuế vi phạ m (trở)	Cơ qua n có thắ m quyề n tiếp nhậ n thôn g tin, hồ sơ tài liệu	Ngà y thán g năm bàn giao hồ sơ (nếu có)	Tên cơ qua n chứ c nắ n g trả lời	Quyết định khởi tố vụ án hình sự			Quyết định không khởi tố vụ án hình sự			QĐ tạm đình chỉ vụ án hình sự		Nội dung g văn bản cơ qua n chứ c trả lời (né u có)	Chur a có thôn g báo kết quả giải quyết t của cơ qua n chứ c nắ n g (x)	Quyết định xử lý của cơ quan thuế						Các trường hợp xử lý khác				
						Số	Ngày thán g năm							Số, ngày y thán g năm	Số đôi tượn g bị khởi tố, tạm gia m	Số tiền đã thu hồi của cơ qua n chứ c nắ n g (Nế u có) trở	Chuy ển cơ quan thuế xử lý hành chính	Chuy ển cơ quan khác có thắ m quyền xử lý (ghi rõ tên CQ)	QĐ không khởi tố vụ án hình sự		Số, ngày y thán g năm			Lý do	Số, ngày y thán g năm	Lý do	Số, ngày y thán g năm	Số tiền thu hồi hoà n (trở)		Số tiền phạt VPH C (trở)	Số tiền chậ m nộp (trở)	Khá c	Nội dung	Kế t qu ả xử lý
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)		

CÔNG CHỨC LẬP

Ngày... tháng... năm 202....
LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP DƯỚI

Mẫu số 05-QLHT/QĐ-QLRR
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1388/QĐ-TCT ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

DANH SÁCH NGƯỜI NỘP THUẾ THUỘC DIỆN KIỂM TRA TRƯỚC HOÀN THUẾ SAU

(Áp dụng đối với chỉ số tiêu chí Nhóm I Bộ CSTC ban hành theo QĐ số .../QĐ-TCT ngày .../.../2023)

Kỳ phân tích:.....

STT	Mã số thuế	Tên NNT	Địa chỉ kinh doanh	Trạng thái hoạt động	Ngành nghề kinh doanh	Hồ sơ/Đề nghị hoàn thuế			Các dấu hiệu rủi ro				Ghi chú (lý do điều chỉnh, bổ sung)
						Số hồ sơ/đề nghị hoàn thuế	Ngày đề nghị hoàn thuế	Kỳ đề nghị hoàn thuế	CSTC 1	CSTC 2	CSTC 3	CSTC 4	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1													
2													
3	...												

CÔNG CHỨC LẬP

Ngày... tháng... năm 202....
LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP DƯỚI

Mẫu số 06-QLHT/QĐ-QLRR
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1388/QĐ-TCT ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

BẢNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XÁC ĐỊNH ĐIỂM RỦI RO CỦA CÁC DOANH NGHIỆP

(Áp dụng đối với chỉ số tiêu chí Nhóm II, Nhóm III Bộ CSTC ban hành theo QĐ số .../QĐ-TCT ngày .../.../2023)

Kỳ phân tích:.....

STT	Mã số thuế	Tên NNT	Địa chỉ kinh doanh	Trạng thái hoạt động	Ngành nghề	Loại hình kinh tế	Hồ sơ/Đề nghị hoàn thuế			CSTC 1		CSTC 2		CSTC 3		CSTC ...		Tổng điểm	Xếp hạng	Ghi chú
							Số hồ sơ/đề nghị hoàn thuế	Ngày đề nghị hoàn thuế	Kỳ đề nghị hoàn thuế	Kết quả	Điểm	Kết quả	Điểm	Kết quả	Điểm	Kết quả	Điểm			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
1																				
2																				
3																				

CÔNG CHỨC LẬP

Ngày... tháng... năm 202....
LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP DƯỚI

Mẫu số 07-QLHT/QĐ-QLRR
(Ban hành kèm theo Quyết định số
1388/QĐ-TCT ngày 18 tháng 9 năm 2023
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

**PHIẾU NHẬN XÉT KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ HOÀN THUẾ GTGT**

(Áp dụng đối với chỉ số tiêu chí Nhóm II, Nhóm III Bộ CSTC ban hành theo QĐ số
.../QĐ-TCT ngày .../.../2023)

Kỳ phân tích:.....

- Người nộp thuế:
- Mã số thuế:
- Địa chỉ:
- Ngành nghề kinh doanh:
- Công chức kiểm tra:
- Hồ sơ/Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN:
 - + Số hồ sơ/đề nghị hoàn trả:
 - + Ngày đề nghị:
 - + Kỳ đề nghị hoàn thuế:
 - + Lý do đề nghị hoàn thuế:

I. NHẬN XÉT KẾT QUẢ PHÂN TÍCH:

1. Kiểm tra tính đầy đủ, tính pháp lý: (công chức kiểm tra tự ghi)

2. Kiểm tra các dấu hiệu rủi ro:.....

2.1. Chỉ số tiêu chí 1: (Tên chỉ số tiêu chí): Rủi ro Cao/Vừa/Thấp/Rất thấp

Kết quả của chỉ số tiêu chí:

2.2. Chỉ số tiêu chí 2: (Tên chỉ số tiêu chí): Rủi ro Cao/Vừa/Thấp/Rất thấp

Kết quả của chỉ số tiêu chí:

2.x. Chỉ số tiêu chí x: (Tên chỉ số tiêu chí): Rủi ro Cao/Vừa/Thấp/Rất thấp

Kết quả của chỉ số tiêu chí:

3. Nội dung nhận xét khác ngoài phần hỗ trợ của chương trình: (công chức kiểm tra tự ghi)

II. KẾT QUẢ PHÂN LOẠI GIẢI QUYẾT HỒ SƠ HOÀN THUẾ:

1. Phân loại giải quyết hồ sơ:

- Hoàn thuế trước, kiểm tra sau: ☐
- Kiểm tra trước hoàn thuế sau: ☐

2. Phân loại kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế:

- Kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế trong vòng một (01) năm: ☐
- Kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế trong vòng ba (03) năm: ☐
- Kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế trong vòng năm (05) năm: ☐

ĐỘI TRƯỞNG/TRƯỞNG PHÒNG

Ghi chú: phiếu có thể kết xuất ra word

Ngày tháng năm
CÔNG CHỨC KIỂM TRA



TÊN CƠ QUAN THUẾ
BỘ PHẬN ĐỀ XUẤT

Mẫu số 08-QLHT/QĐ-QLRR
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1388/QĐ-TCT
ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tổng cục trưởng
Tổng cục Thuế)

PHIẾU ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT

(Trong trường hợp ứng dụng QLRR phân hệ hoàn thuế gặp sự cố)

1. Thông tin hồ sơ hoàn thuế

- Tên người nộp thuế:
- Mã số thuế:
- Địa chỉ trụ sở NNT:
- Ngành nghề/lĩnh vực hoạt động, kinh doanh chính:
- Hồ sơ/Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN:
 - + Mã hồ sơ:
 - + Giấy đề nghị hoàn trả:
 - + Ngày đề nghị:
 - + Kỳ đề nghị hoàn thuế:
 - + Lý do hoàn thuế:

2. Phương án đề xuất giải quyết:

- Ý kiến đề xuất của cán bộ giải quyết hồ sơ
.....
.....
- Ý kiến đề xuất của Lãnh đạo bộ phận giải quyết hồ sơ
.....
.....

3. Ý kiến Bộ phận liên quan

.....
.....

4. Ý kiến phê duyệt của thủ trưởng cơ quan thuế

.....
.....

Ngày đề xuất: ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN BỘ PHẬN ĐỀ XUẤT

Ngày phê duyệt: ngày tháng năm
LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP DƯỚI

Mẫu số 09-QLHT/QĐ-QLRR
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1388/QĐ-TCT ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

DANH SÁCH KIỂM TRA, THANH TRA SAU HOÀN THUẾ GTGT

Tháng ...năm...

STT	Mã số thuế	Tên NNT	Địa bàn phân tích	Trạng thái hoạt động	Ngành nghề	Loại hình kinh tế	Hồ sơ/Đề nghị hoàn thuế			Quyết định hoàn thuế		Trường hợp kiểm tra, thanh tra sau HT				Ghi chú (lý do điều chỉnh, bổ sung)
							Số hồ sơ/đề nghị hoàn thuế	Ngày đề nghị hoàn thuế	Kỳ đề nghị hoàn thuế	Số quyết định	Ngày quyết định	Điểm số rủi ro tại thời điểm đề nghị hoàn thuế	Kiểm tra thanh tra trong vòng một (01) năm	Kiểm tra thanh tra trong vòng ba (03) năm	Kiểm tra thanh tra trong vòng năm (05) năm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1																
2																
3																
4																

CÔNG CHỨC LẬP

Ngày... tháng... năm 202....
LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ BÁO CÁO

Mẫu số 10-QLHT/QĐ-QLRR
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1388/QĐ-TCT ngày 18 tháng 9
năm 2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN LOẠI GIẢI QUYẾT HỒ SƠ HOÀN THUẾ GTGT VÀ KIỂM TRA, THANH TRA SAU HOÀN THUẾ

Kỳ báo cáo:

ST T	Cơ quan thuế	Tổng số hồ sơ hoàn thuế	Hồ sơ kiểm tra trước hoàn thuế sau		Hồ sơ hoàn thuế trước kiểm tra sau						Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ	Kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế trong vòng một (01) năm		Kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế trong vòng ba (03) năm		Kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế trong vòng năm (05) năm		
					Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)= (4)/(3) (%)	(6)	(7)=(6)/(3)(%)	(8)	(9)=(8)/(3)(%)	(10)	(11)=(10)/(3)(%)	(12)
	Văn phòng Cục										
	Chi cục Thuế A										
	...										

CÔNG CHỨC LẬP

Ngày... tháng... năm 202....
LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ BÁO CÁO

Mẫu số 11-QLHT/QĐ-QLRR
(Ban hành kèm theo Quyết định số
1388/QĐ-TCT ngày 18 tháng 9 năm 2023
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CÁC CHỈ SỐ TIÊU CHÍ NHÓM I

(Áp dụng đối với chỉ số tiêu chí Nhóm I Bộ CSTC ban hành theo QĐ số .../QĐ-TCT
ngày....)

Kỳ báo cáo:

TT	Tên cơ quan thuế	Tổng số hồ sơ được đánh giá	Số hồ sơ có điểm số rủi ro được đánh giá qua các tiêu chí/chỉ số				Ghi chú
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2		Tiêu chí 3	
			CSTC 1	CSTC 2	CSTC 3	CSTC 4	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Văn phòng Cục						
2	Chi cục Thuế A	100	40	2			
3	Chi cục Thuế B						
	...						
	Tổng cộng						

CÔNG CHỨC LẬP

Ngày... tháng... năm 202....
LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ BÁO CÁO

Mẫu số 12-QLHT/QĐ-QLRR
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1388/QĐ-TCT ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ
CÁC CHỈ SỐ TIÊU CHÍ NHÓM II, NHÓM III**

(Áp dụng đối với chỉ số tiêu chí Nhóm II, Nhóm III Bộ CSTC ban hành theo QĐ số/QĐ-TCT ngày....)

Kỳ báo cáo:

STT	Mã số thuế	Tên NNT	Các chỉ số tiêu chí được đánh giá ở mức rủi ro cao									Số tiền đề nghị hoàn	Số tiền thực hoàn	Số tiền thu hồi hoàn	Ghi chú
			CSTC 1	CSTC 2	CSTC 3	CSTC 4	CSTC 5	CSTC 6	CSTC 7	CSTC 8	CSTC ...				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1			x												
2			x	x											
3	...														
	Tổng cộng														

CÔNG CHỨC LẬP

Ngày... tháng... năm 202....
LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP DƯỚI

Mẫu số 13-QLHT/QĐ-QLRR
(Ban hành kèm theo Quyết định số
1388/QĐ-TCT ngày 18 tháng 9 năm 2023
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

**DANH SÁCH MẶT HÀNG KINH DOANH THUỘC DIỆN CẢNH BÁO RỦI
RO CỦA CƠ QUAN THUẾ**

Kỳ báo cáo:

STT	Mã số thuế	Tên NNT	Địa chỉ kinh doanh	Trạng thái hoạt động	Mặt hàng kinh doanh		Ghi chú
					Mã mặt hàng	Tên mặt hàng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
3							

CÔNG CHỨC LẬP

Ngày... tháng... năm 202....

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP DƯỚI

Mẫu số 14-QLHT/QĐ-QLRR
(Ban hành kèm theo Quyết định số
1388/QĐ-TCT ngày 18 tháng 9 năm 2023
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

DANH SÁCH CÁC ĐỊA BÀN VÙNG SÂU, VÙNG XA

STT	Mã số thuế	Tên NNT	Địa chỉ kinh doanh			Hồ sơ/ đề nghị hoàn			Ghi chú
			Xã/ phường/ thị trấn	Quận/ huyện	Tỉnh	Số hồ sơ/ đề nghị hoàn	Ngày đề nghị hoàn thuế	Kỳ đề nghị hoàn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1									
2									
3									

CÔNG CHỨC LẬP

Ngày... tháng... năm 202....
LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ